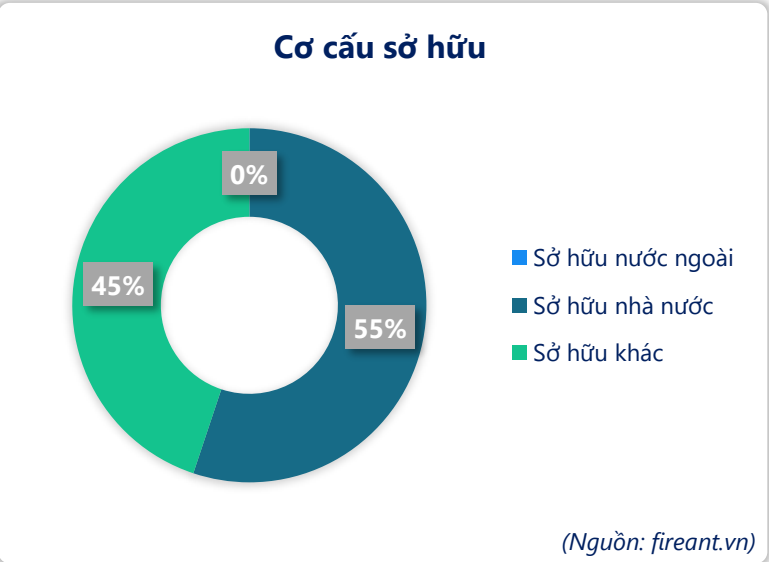
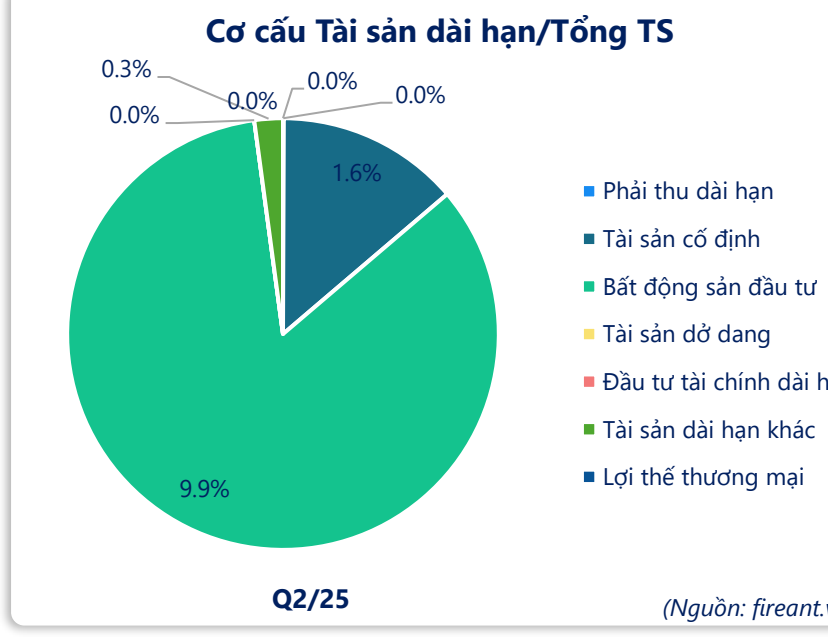
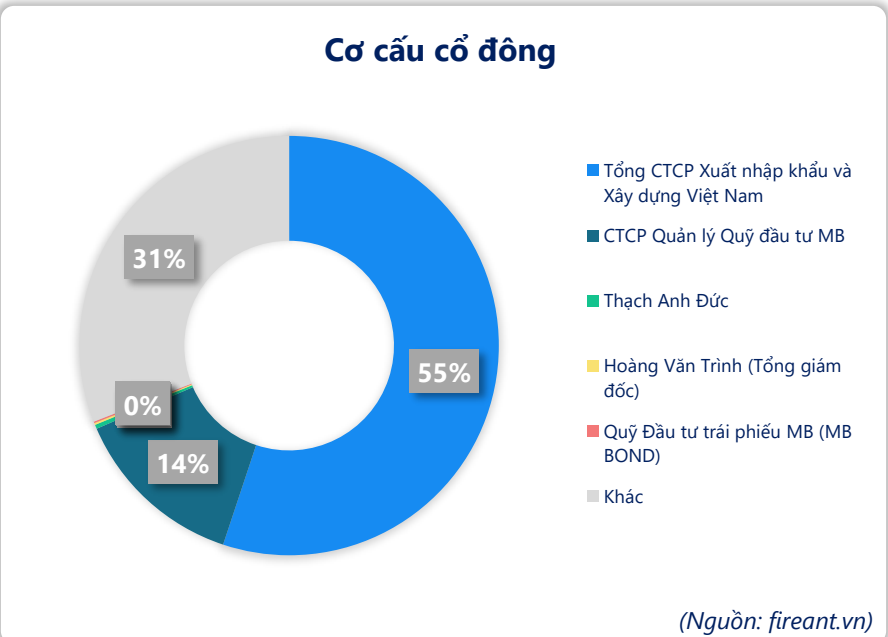
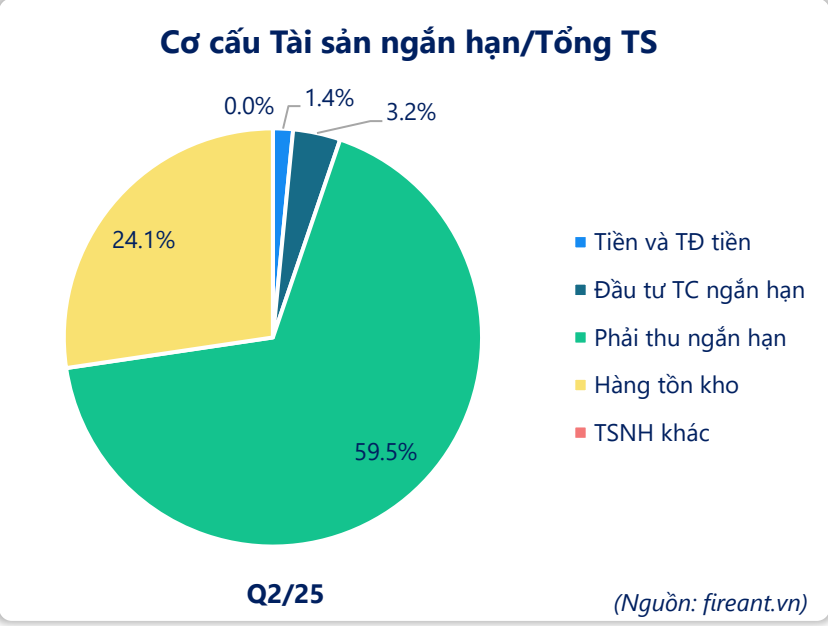
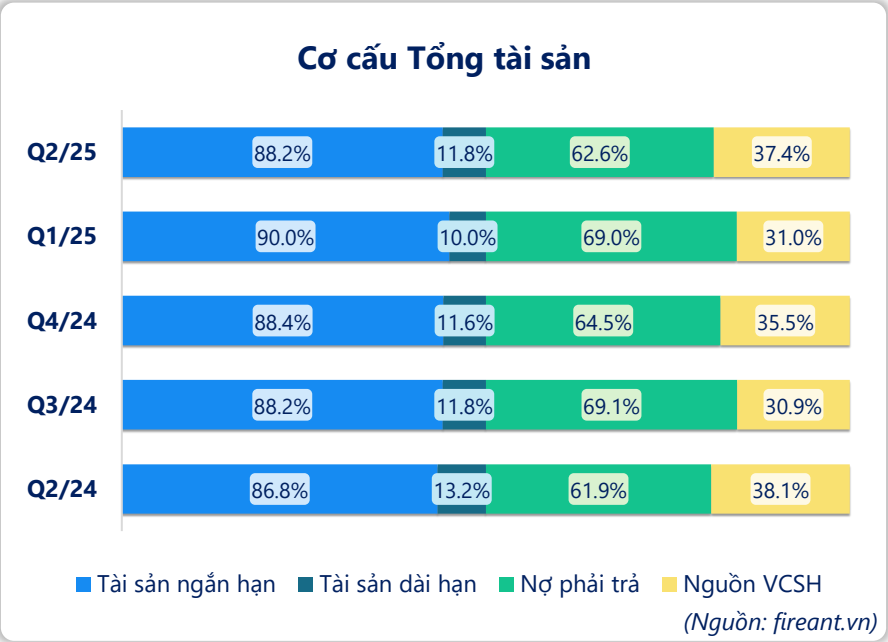


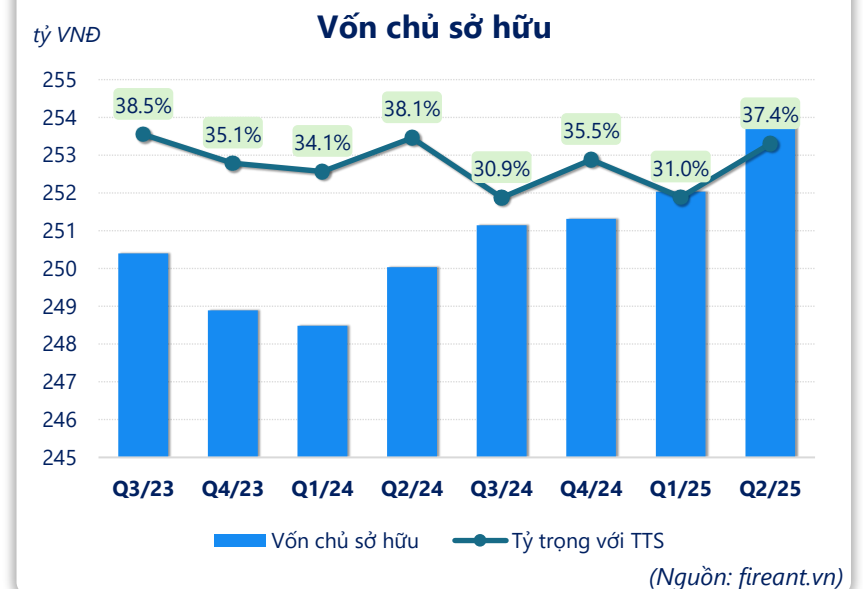
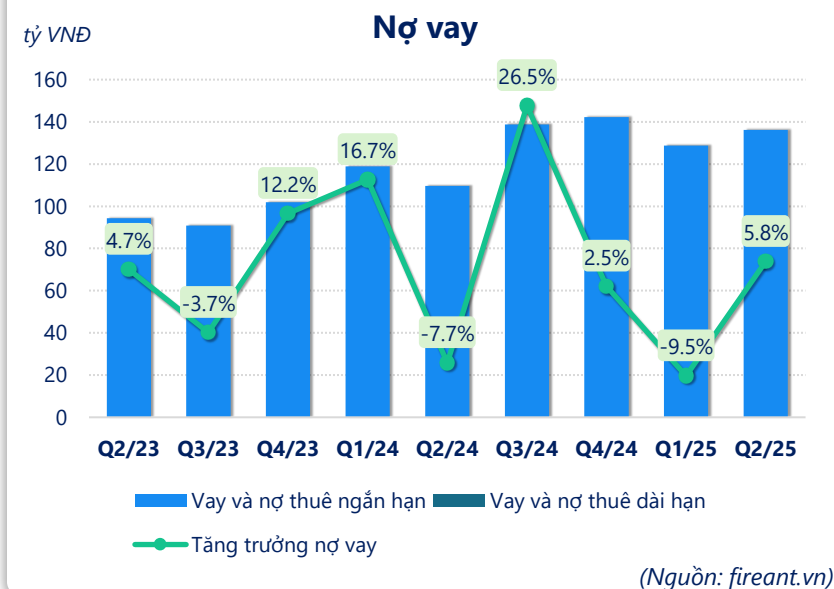
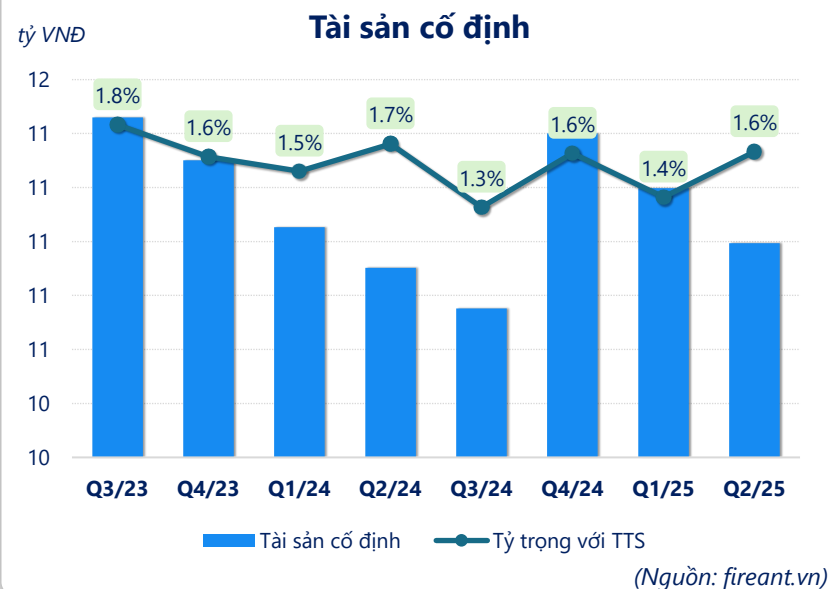
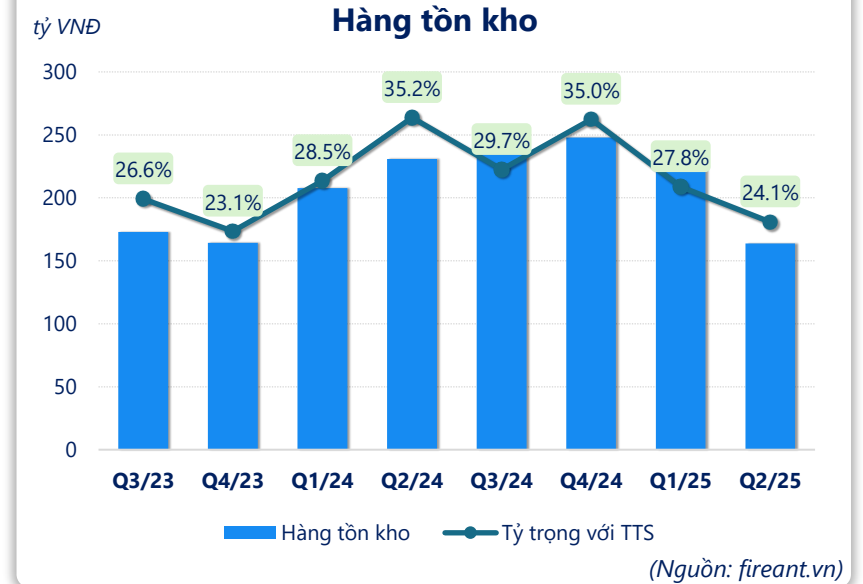
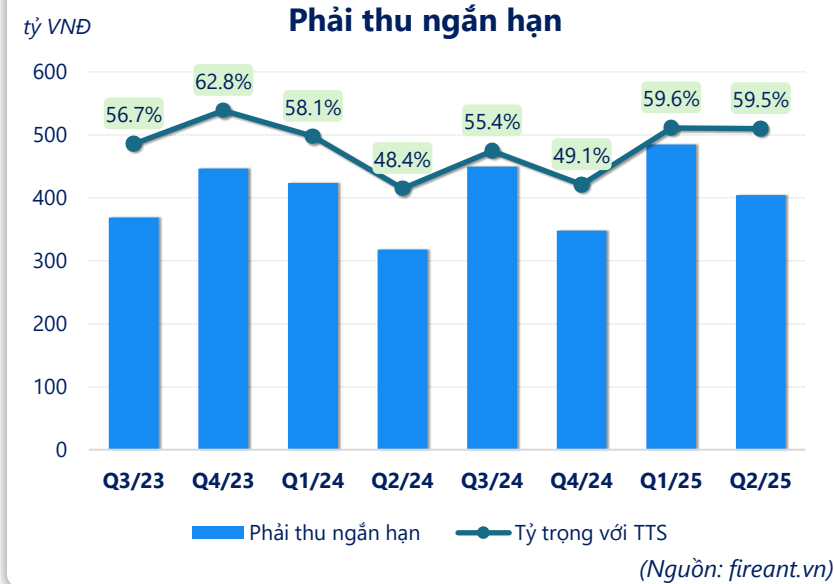
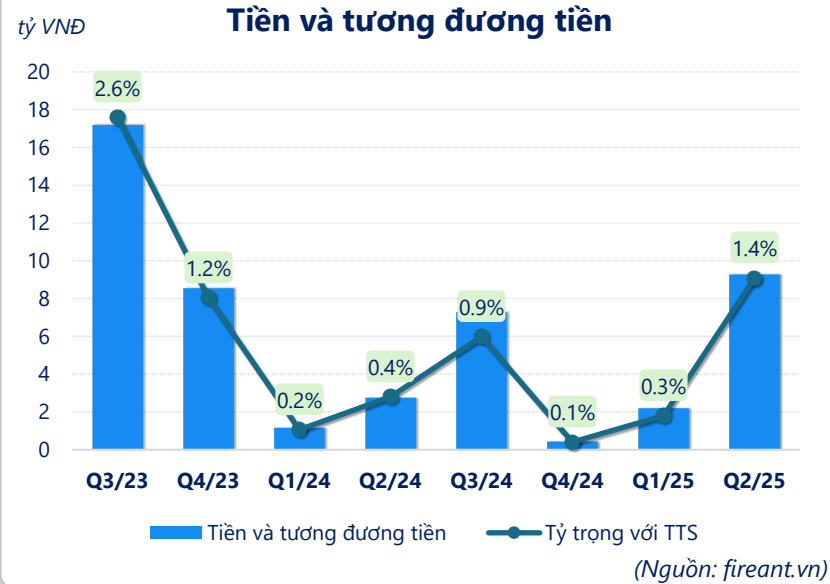
Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,800
SL cổ phiếu LH		12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		805
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		120
P/E		32.9
EPS		304

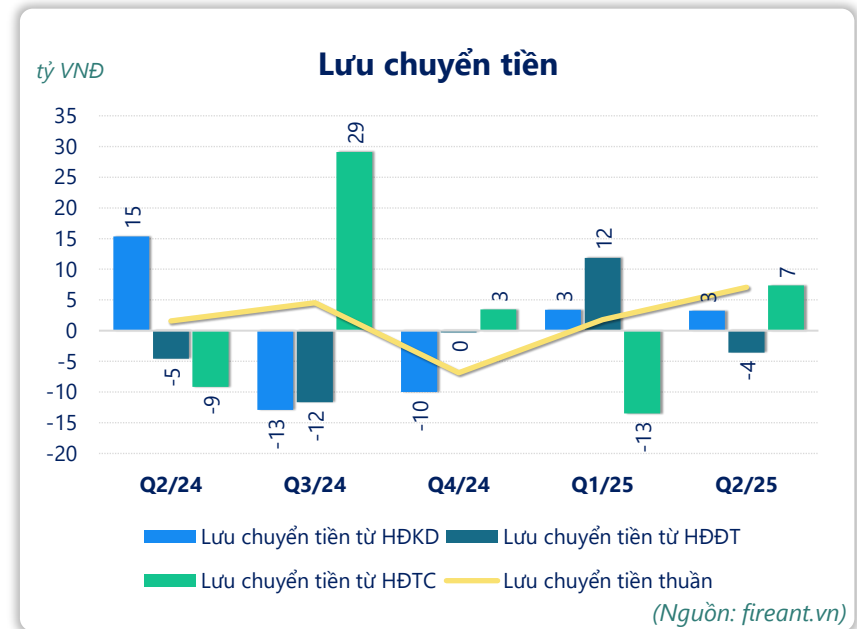
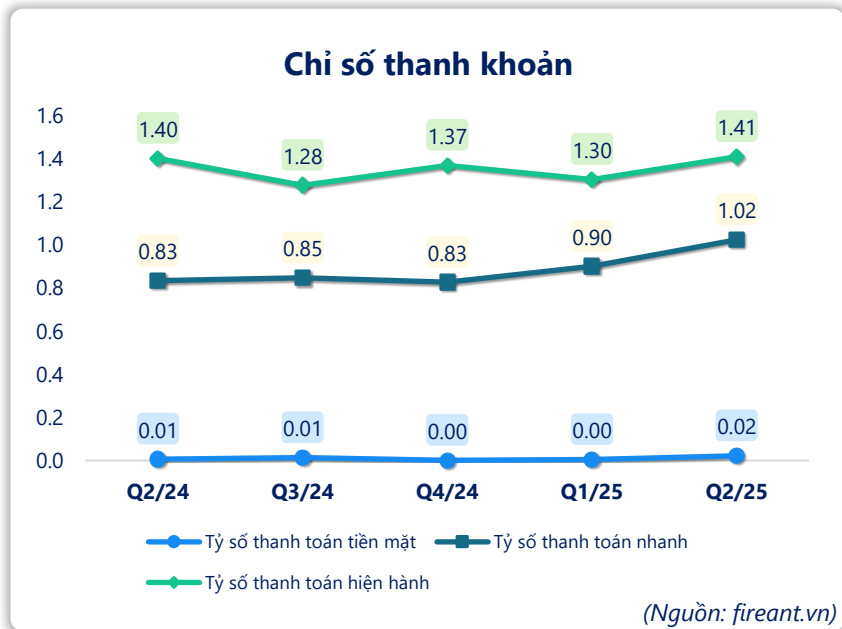
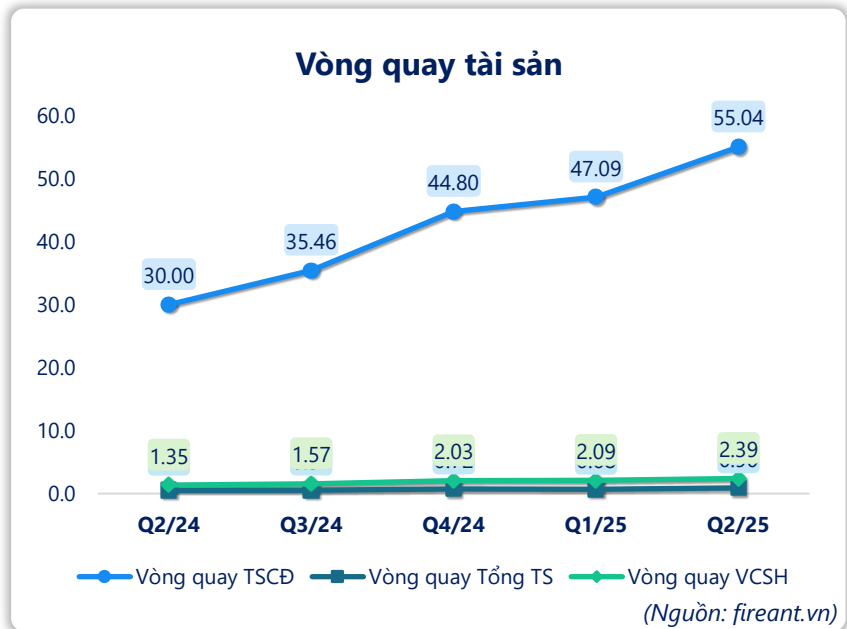
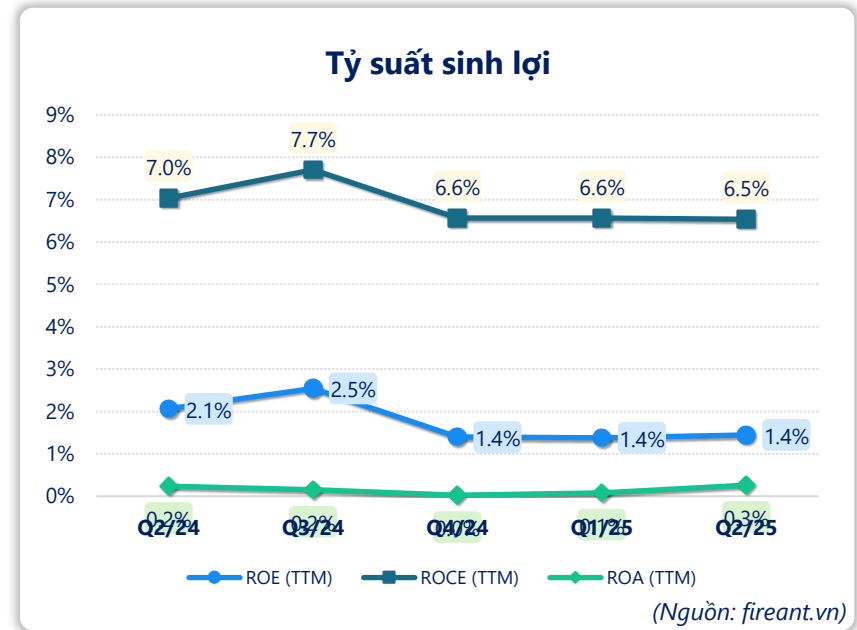
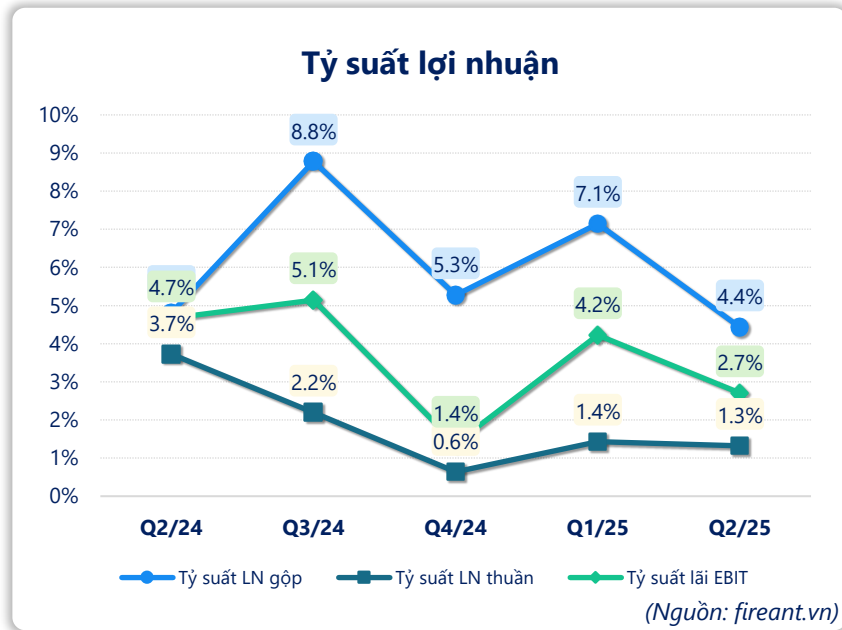
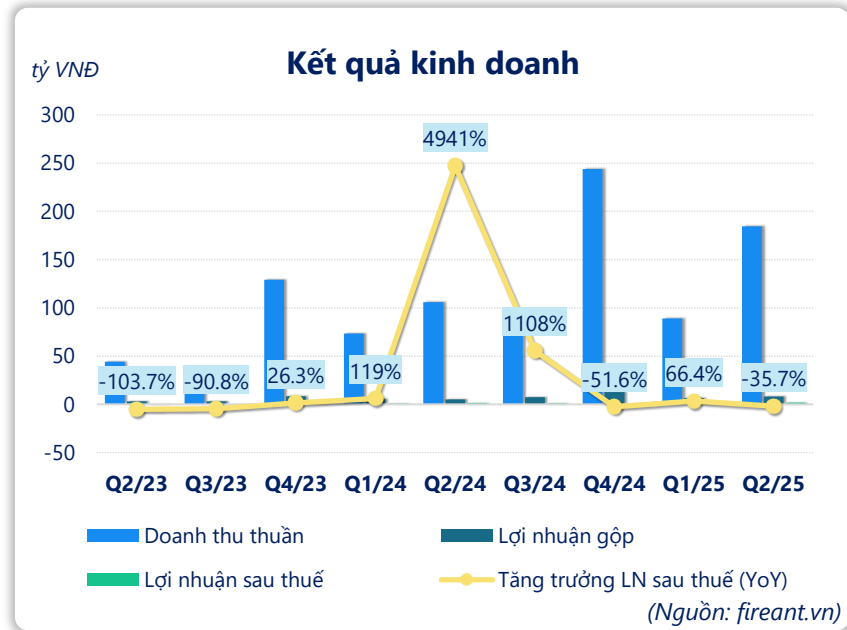
	YTD	1T	3T	6T
VC1	17.6%	5.3%	4.2%	14.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%



CTCP Xây dựng số 1 (HNX: VC1)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	679	708	-4.1%
Tài sản ngắn hạn	599	626	-4.3%
Tiền và tương đương tiền	9.27	0.43	2066%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.0	29.9	-26.6%
Phải thu ngắn hạn	404	348	16.2%
Hàng tồn kho	164	248	-33.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	80.2	82.4	-2.7%
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.0%
Tài sản cố định	11.0	11.4	-3.6%
Bất động sản đầu tư	67.5	68.4	-1.4%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.71	2.55	-33.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	426	457	-6.8%
Nợ ngắn hạn	425	457	-6.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	136	142	-4.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	188	176	6.6%
Nợ dài hạn	0.64	0.16	288%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	254	251	0.9%
Vốn chủ sở hữu	254	251	0.9%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	106	85.2	244	89.0	185
Giá vốn hàng bán	101	77.8	231	82.7	176
Lợi nhuận gộp	5.10	7.48	12.9	6.36	8.18
Doanh thu HĐTC	0.19	0.18	0.31	0.04	0.21
Chi phí TC	2.45	2.63	2.71	2.59	2.57
Chi phí lãi vay	2.34	2.63	2.51	2.59	2.57
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0.02	0.06	0	0
Chi phí QLDN	-1.11	3.14	8.84	2.53	3.38
LN thuần từ HĐKD	3.95	1.87	1.56	1.28	2.44
Lợi nhuận khác	-1.35	-0.12	-0.70	-0.11	-0.02
LN trước thuế	2.60	1.75	0.86	1.17	2.42
Lợi nhuận sau thuế	1.55	1.10	0.17	0.63	1.74
LNST của CĐ cty mẹ	1.55	1.10	0.17	0.63	1.74

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.3	-12.9	-10.0	3.39	3.26
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.56	-11.7	-0.28	11.9	-3.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.18	29.1	3.43	-13.5	7.37
Tiền đầu kỳ	1.15	2.76	7.29	0.43	2.20
Lưu chuyển tiền thuần	1.61	4.53	-6.86	1.77	7.07
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	2.76	7.29	0.43	2.20	9.27

(Nguồn: fireant.vn)